

# LỢI THẾ CẠNH TRANH: MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ VIỆC VẬN DỤNG VÀO ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐINH THỊ THƠM<sup>(\*)</sup>

*Đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là những nước gần như chỉ thuần túy dựa vào lợi thế sẵn có như: tài nguyên, nhân công,... để có được tăng trưởng ở giai đoạn vừa qua- trong đó có Việt Nam, thì việc nâng cao tính cạnh tranh để tham gia sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu hóa hiện nay đang là một trong những ưu tiên hàng đầu. Nội dung bài viết tập trung phân tích và làm rõ những lý thuyết cổ điển cũng như hiện đại về lợi thế cạnh tranh; những ý kiến của các chuyên gia về lợi thế cạnh tranh đối với trường hợp Việt Nam, trên cơ sở đó có thể vận dụng vào trường hợp Việt Nam, giúp Việt Nam tận dụng được tốt hơn những lợi thế sẵn có và tạo dựng những lợi thế mới trong phát triển.*

## 1. Một số cơ sở lý thuyết

Về quan điểm được hưởng lợi thông qua thương mại quốc tế, trong lý thuyết lợi thế tuyệt đối của mình, Adam Smith (1723 - 1790), nhà kinh tế chính trị học và triết gia đạo đức học vĩ đại người Scotland, khẳng định rằng, nhờ thực hiện chuyên môn hoá, nước có lợi thế tuyệt đối sẽ được hưởng lợi trong trao đổi với nước khác sản phẩm mà nước đó sản xuất hiệu quả nhất. Tiếp sau đó, lợi thế so sánh được Robert Torrens (được xem là người đầu tiên đưa ra khái niệm này) đề cập đến vào năm 1815 trong một bài viết về việc trao đổi ngũ cốc giữa Anh và Ba Lan. Tuy vậy, có đóng góp lớn nhất cho lý thuyết lợi thế so sánh là David Ricardo (1772-1823), một trong những nhà kinh tế cổ điển người Anh, người đã đưa ra những giải thích mang tính hệ thống trong cuốn sách xuất bản năm

1817 - “Những nguyên lý kinh tế chính trị và thuế khoá”. Theo ông, trong thương mại quốc tế, lợi thế so sánh được hiểu là “lợi thế đạt được trong thương mại quốc tế, khi các quốc gia tập trung chuyên môn hoá sản xuất và trao đổi những mặt hàng có bất lợi nhỏ nhất hoặc những mặt hàng có lợi lớn nhất thì tất cả đều cùng được lợi” (7).

Mấy trăm năm qua, tiến triển của thương mại quốc tế đã cho thấy tầm quan trọng của lợi thế so sánh đối với tăng trưởng kinh tế quốc gia. Hầu hết các nhà kinh tế đều dựa trên lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo để đánh giá tính cạnh tranh và hiệu quả của một nền kinh tế, và thừa nhận rằng: tất cả các nước tham gia vào trao đổi quốc tế, ngay cả những nước không có được lợi thế tuyệt đối nhưng có lợi thế so

<sup>(\*)</sup> TS. Viện Thông tin KHXH

sánh và thực hiện chuyên môn hoá trong sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm của mình, đều được hưởng lợi.

Những thập kỷ gần đây, hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra sôi động nhờ áp dụng những thành tựu to lớn của khoa học-công nghệ, đặc biệt là của Internet, sự phát triển của các công ty đa quốc gia và xu hướng chuyển dịch địa bàn sản xuất đến những quốc gia có nhiều lợi thế so sánh đang gây ra sự ngỡ vực đối với luận điểm "cả hai cùng thắng" ("gagnant-gagnant")<sup>(14)</sup>, thì lợi thế so sánh, theo Michael Porter<sup>(\*)</sup>, nhà kinh tế học người Mỹ, người đưa ra thuyết lợi thế cạnh tranh quốc gia, chỉ là những điều kiện đặc thù tạo ra ưu thế của một quốc gia. Với lý thuyết nổi tiếng về mô hình "viên kim cương", ông cho rằng: "Khi nền tảng của cạnh tranh càng chuyển dịch sang sự sáng tạo và tri thức mới thì vai trò của quốc gia càng tăng lên. Lợi thế cạnh tranh quốc gia được tạo ra và thông qua quá trình địa phương hóa cao độ. Sự khác biệt về giá trị quốc gia, văn hóa, cấu trúc kinh tế, thiết chế và lịch sử, tạo nên ưu thế quyết định sự thành công trong cạnh tranh" (3).

Trong khi đó GS. Jacques Généreux, nhà kinh tế xuất sắc của nước Pháp hiện nay, một nhà lãnh đạo cánh tả của Đảng Xã hội Pháp, với cuốn sách "Các quy luật đích thực của nền kinh tế"<sup>(\*\*)</sup>, lại nhấn mạnh tư tưởng mấu chốt: con người phải

là trung tâm của kinh tế chính trị và kinh tế học, do đó các quy luật đích thực của nền kinh tế không có mục đích nào khác ngoài quá trình giải phóng cá nhân con người khỏi mọi sự tha hóa, mọi sự áp bức bóc lột. Đó là giá trị cao cả nhất của chủ nghĩa xã hội. Theo ông, "không phải lúc nào tự do trao đổi cũng đáng chuộng hơn thuế quan bảo hộ... Nếu lúc này người ta quan tâm giải thích tình hình thương mại quốc tế và lợi thế so sánh có thể có của các nước, thì cách tiếp cận mới lại là vai trò quyết định của các nhân tố chính trị", chính các chính sách công (về cấu trúc hạ tầng, thuế khóa, đào tạo nhân lực, chất lượng cuộc sống, an ninh, y tế) mới là các yếu tố quyết định rất nhiều sức hấp dẫn của một đất nước; và kết luận: "lợi thế so sánh đích thực, nếu có, chẳng phải là một dữ kiện tự nhiên mà các quốc gia phải chịu đầu hàng. Nó là một lợi thế chính trị, là khả năng phát động những chính sách công nghiệp kiên trì, là những chính sách kinh tế được tạo nên bởi những quyết định chính trị sáng suốt, hữu hiệu, là khả năng hỗ trợ nghiên cứu, bảo đảm ổn định chính trị, bảo hộ hợp lý các công nghiệp mới ra đời". Ông cũng phê phán kiểu thống trị còn mang dấu ấn thuộc địa duy trì những hoạt động chỉ có giá trị gia tăng thấp, tạo ra khoảng cách rất lớn với những nước phát triển (4).

Kinh nghiệm thành công của các nước công nghiệp mới (NICs) ở châu Á trong những thập kỷ qua chỉ ra rằng, được hưởng lợi nhiều trong kinh tế đối ngoại là những quốc gia có được những chiến lược, chính sách phát triển đúng đắn trong quá trình tạo ra và sử dụng các lợi thế vô hình và hữu hình mới ngoài những lợi thế sẵn có. Chẳng hạn, chỉ sau 3 thập kỷ biết phát huy những lợi thế khác ngoài lợi thế nhân công giá rẻ-lợi thế ban đầu duy nhất của thời kỳ đầu những năm 1950-Hàn Quốc đã trở thành đối thủ cạnh tranh của nước Đức trên thị trường máy công cụ điều khiển số vào

(\*) Nhà khoa học về quản trị nổi tiếng ở Mỹ, giáo sư trường kinh doanh Harvard, là người đưa ra môn học về chiến lược cạnh tranh và mô hình phân tích cấu trúc ngành. Mô hình "viên kim cương" ông đưa ra gồm 4 mặt: các nguồn lực (như nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng, thông tin, R-D); môi trường đầu tư; nhu cầu của thị trường nội địa; năng lực của các ngành công nghiệp hỗ trợ nhằm xác định ưu điểm và nhược điểm trong cạnh tranh của một đất nước và các ngành kinh tế quan trọng của đất nước đó.

(\*\*) Cuốn sách đã được Tổ chức giáo sư các trường trung học và đại học Pháp trao giải thưởng "Tác phẩm kinh tế học có tính sư phạm và giáo khoa xuất sắc nhất" năm 2003; đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và bản tiếng Việt đã được Nhà xuất bản Thế giới phát hành năm 2005.

đầu những năm 1980 thế kỷ XX (4). Đài Loan vào những năm 1950 có điểm xuất phát như Việt Nam hiện nay (đông dân, nền kinh tế nghèo dựa chủ yếu vào nông nghiệp) đã nhanh chóng trở thành một con rồng nhờ xuất khẩu từ những sản phẩm nông nghiệp đến hàng tiêu dùng, rồi sản phẩm điện tử, và hiện nay là một số sản phẩm công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn.

Những nước nổi tiếng thành công về ngành “công nghiệp không khói” như Italy, Thailand... đã tạo được một nguồn thu ngoại tệ lớn không chỉ do tận dụng được lợi thế so sánh về điều kiện địa lý, đặc sắc văn hóa, di tích lịch sử..., mà điều quan trọng hơn, là họ đã xây dựng và phát triển được cả một khu vực dịch vụ năng động với những sản phẩm hàm chứa nhiều giá trị gia tăng. Trung Quốc trở thành “công xưởng thế giới” với những đặc khu kinh tế điển hình đạt được những kết quả đáng khâm phục chỉ trong 2 thập kỷ do biết lựa chọn những vùng đất địa, sử dụng nhân công rẻ, xây dựng những ngành công nghiệp phụ trợ, thu hút được nhiều công ty đa quốc gia có tên tuổi trên thế giới, tiến hành cải cách, đổi mới chính sách theo kịp nhu cầu phát triển (18).

## **2. Sử dụng các lợi thế, hướng tới tăng trưởng chất lượng và bền vững**

Cho đến nay, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam chủ yếu là dựa vào tăng vốn đầu tư và lao động sống, thay vì nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư, trình độ công nghệ và chất lượng lao động. Sử dụng những lợi thế so sánh tĩnh, cấp thấp là một trong những căn nguyên dẫn đến mâu thuẫn giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng: tăng trưởng cao, nhưng chuyển dịch cơ cấu lao động chậm, tình trạng thất nghiệp gia tăng (chiếm 5,7% so với 2-3% vào thời kỳ đầu đổi mới), hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế rất thấp và đang có xu hướng suy giảm (chỉ

số ICOR – hệ số giá trị sản phẩm gia tăng, tăng nhanh lên tới gần 6 so với 3,39 của năm 1995, đặc biệt là khu vực kinh tế nhà nước, tăng tới 7,28) (8).

Tìm giải pháp cho vấn đề nêu trên, nhiều chuyên gia cho rằng trong điều kiện nền kinh tế có tới 70% lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp hiện nay, cần sử dụng ở mức độ cho phép lợi thế so sánh tĩnh, cấp thấp, đồng thời xây dựng, nuôi dưỡng và phát huy lợi thế so sánh động, cấp cao. Thêm nữa, biết tận dụng lợi thế của “người đi sau” thông qua chuyển giao công nghệ tiên tiến, phương pháp quản lý hiện đại, nhân lực chất lượng cao... từ nguồn FDI, đặc biệt là từ các công ty đa quốc gia, Việt Nam sẽ nhanh chóng tạo ra được những lợi thế so sánh mới, nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

### *Về yếu tố nhân lực*

Việt Nam được đánh giá là một quốc gia có lực lượng lao động dồi dào, cần cù, có khả năng thích ứng với những tình huống phức tạp. Ngoài ra, xấp xỉ 50% dân số ở độ tuổi dưới 30, tiền công lao động thấp hơn khoảng 1/3 so với tiền lương ở các đặc khu kinh tế ở Trung Quốc (18) đang được xem là những lợi thế cần thiết cho việc tham gia hiệu quả vào phân công lao động khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, bước vào kỷ nguyên kinh tế tri thức, khi kiến thức được xếp hàng đầu trong các yếu tố đầu vào của sản xuất, thì lợi thế so sánh động ẩn chứa trong nhân lực chất lượng cao mới là yếu tố quyết định lợi thế cạnh tranh quốc gia. Thêm vào đó, nếu có được phương thức đầu tư hợp lý, nguồn lao động không những không bị cạn kiệt như khi khai thác các nguồn tài nguyên hữu hình khó tái tạo khác, mà ngược lại, càng phát triển về chất và lượng (1, 2).

Về vấn đề này, TS. Lê Đăng Doanh, chuyên gia cao cấp của Bộ Kế hoạch và

Đầu tư, khẳng định: thế mạnh của một dân tộc phụ thuộc vào trí tuệ, thế mạnh của một đất nước phụ thuộc vào khoa học-công nghệ (16).

GS. Trần Văn Thọ, Đại học Waseda (Tokyo) sau khi phân tích nhu cầu thế giới và tham khảo đánh giá của các công ty đa quốc gia về tiềm năng của Việt Nam, khẳng định rằng việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện mục tiêu mở rộng việc làm có vai trò cực kỳ quan trọng trong thực hiện tăng trưởng kinh tế bền vững (8, 13).

Theo PGS., TS. Trần Đình Thiên, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, để vừa cải thiện khả năng cạnh tranh, vừa tránh bị ô nhiễm nặng, từng bước rút ngắn khoảng cách bị tụt hậu về trình độ phát triển với các nước đi trước, Việt Nam cần có cách tiếp cận đồng bộ và hiện đại đối với mô hình tăng trưởng dựa vào đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư công nghệ, nâng cao năng suất, chuyển đổi cơ cấu (6, 9).

Thời gian gần đây, những biện pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo cho toàn xã hội, qua bồi dưỡng văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, đã góp phần không nhỏ vào việc nuôi dưỡng và phát huy những ưu thế của nguồn nhân lực Việt Nam. Những nỗ lực của chính phủ về phương diện này đã được xác nhận qua thứ hạng ngày càng tăng cao của chỉ số phát triển con người (chẳng hạn, chỉ số giáo dục tăng từ 0,78 năm 1995 lên 0,83 năm 2005, mức tương đương với Malaysia, Trung Quốc và cao hơn mức 0,59 của Ấn Độ) (15).

Bước tiến mới này có thể xem là một trong những lý do cơ bản để Intel Corp., Tập đoàn sản xuất *chip* lớn nhất thế giới quyết định đầu tư 1 tỷ USD vào khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh; hay những "đại gia" như Microsoft, Unisys, Qualcomm và Motorola cũng đang thúc đẩy các dự

án hợp tác với các doanh nghiệp Việt Nam. Sự chuyển biến về chất lượng nhân lực của Việt Nam còn được Harvey Nash PLC (Công ty kinh doanh phát triển phần mềm mới của Anh) thừa nhận khi xếp hạng thứ nhất cho ứng cử viên Việt Nam (từng bị gạt ra ngoài danh sách lựa chọn của họ 6 năm về trước) và quyết định liên doanh với FPT.

#### *Về yếu tố tài nguyên thiên nhiên*

Bước sang thế kỷ XXI, thế giới tiếp tục chuyển nhanh từ kinh tế "bản" (sử dụng tài nguyên) sang kinh tế "sạch" (sử dụng thành tựu khoa học kỹ thuật); khi những vật liệu siêu bền mới, kết quả của tài nguyên chất xám, thành tựu của trí tuệ, đang từng bước thay thế tài nguyên hiện có, thì tính đa dạng và phong phú về tài nguyên thiên nhiên đang mất dần lợi thế so sánh và chỉ được xem như điều kiện thuận lợi và tiềm năng để phát huy lợi thế của nước ta; thậm chí, PGS., TS. Trần Đình Thiên còn cảnh báo, dù có nỗ lực hơn nữa, Việt Nam cũng vẫn chỉ là nền kinh tế giá trị gia tăng thấp với vai trò là nhà cung cấp đầu vào chất lượng thấp cho các nền kinh tế khác, nếu vẫn còn dựa chủ yếu vào việc tăng lượng đầu vào, như tăng khai thác tài nguyên, bơm nhiều vốn và đẩy mạnh sử dụng lao động kỹ năng thấp (9).

Tuy nhiên với trình độ phát triển của Việt Nam hiện nay, có quan điểm cho rằng vẫn nên tận dụng ở mức cho phép lợi thế sẵn có này, bằng cách có kế hoạch khai thác và tái tạo hợp lý những nguồn tài nguyên mà cho đến nay chúng ta chưa đủ khả năng khai thác phục vụ phát triển kinh tế; cần lưu tâm đến những nguồn lực đòi hỏi thời gian đầu tư ngắn nhưng mang lại hiệu quả nhanh và đặc biệt là nằm trong xu hướng đang phát triển hiện nay như rừng, biển, tiềm năng du lịch. Những nguồn lực đòi hỏi phải đầu tư lâu dài như tái tạo rừng, nuôi trồng

thủy hải sản, khai thác năng lượng thiên nhiên... là những lĩnh vực cần có quan niệm mới trong việc đầu tư nuôi dưỡng tạo nguồn lực để sử dụng lâu dài (1).

#### *Về yếu tố vị trí địa lý*

Trải dài trên biển Đông, Việt Nam được xem là bao lớn của Thái Bình Dương với những vũng, vịnh kín gió, cảng nước sâu, bãi tắm đẹp... Lợi thế địa-kinh tế này đang hứa hẹn tạo khả năng cho nước ta tận dụng được cả lợi thế tĩnh và lợi thế động trong thực hiện chiến lược phát triển kinh tế quốc gia.

TS. Bùi Xuân Thắng, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thư ký Đề án "Chiến lược biển đến năm 2020", cho biết, thực hiện chiến lược này, trước mắt sẽ tập trung vào việc khai thác những ngành kinh tế đang có thế mạnh như khai thác, chế biến dầu khí, nuôi trồng, chế biến hải sản, du lịch biển, vận tải biển,... (19). Về lâu dài, thứ tự của các ngành nêu trên có thể sẽ thay đổi, tùy theo sự suy giảm hay gia tăng của các lợi thế so sánh như dầu khí, hải sản, năng lượng (địa nhiệt, phong nhiệt, thủy triều) và việc hình thành và phát triển của lợi thế so sánh động (công nghệ tiên tiến, nhân lực chất lượng, phong cách quản lý hiện đại... do FDI đưa lại).

#### *Về yếu tố chính trị*

Theo TSKH. Võ Đại Lược, Tổng Giám đốc Trung tâm Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, từ đường lối "đổi mới" xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, đến "luồng gió mới" mà việc gia nhập WTO mang đến cho Việt Nam, đều cho thấy vai trò quan trọng của Chính phủ trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển quốc gia. Hiện tượng đầu tư nước ngoài tăng đột biến vào tháng cuối của năm 2006, sau thời điểm Việt Nam trở thành thành viên

của WTO, đưa tổng số FDI vào Việt Nam lên tới 10,2 tỷ USD (vượt quá chỉ tiêu đề ra) và có khả năng đạt tới 13 tỷ USD năm 2007 theo dự báo (9 tháng đầu năm đã đạt 9,3 tỷ USD trên tổng giá trị 50 tỷ USD các dự án đang chờ đầu tư vào Việt Nam), là một ví dụ. Như vậy, sự kiện lần đầu tiên Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết cắt giảm thuế quan hiệu lực chung của khu vực mậu dịch tự do ASEAN vào năm 2006 và cam kết của Chính phủ Việt Nam về việc thực hiện những điểm theo yêu cầu WTO khi trở thành thành viên chính thức (11/1/2007) cũng đã tạo ra một lợi thế so sánh vô hình, lợi thế so sánh động của Việt Nam (10). Việc Bộ Chính trị trình Ban chấp hành Trung ương Đảng "Chiến lược biển đến năm 2020" thể hiện một quyết tâm chính trị rất rõ ràng. Với chiến lược này, hệ thống đô thị ven biển một khi được hình thành, sẽ là các trung tâm phát triển kinh tế và trở thành nền tảng vững chắc cho GDP của Việt Nam.

Những quan điểm và sự kiện mang đậm sắc chính trị đó đã nhận được sự đồng tình của nhiều chuyên gia và có thể nói, trở thành lợi thế cạnh tranh quan trọng, là cơ sở để Việt Nam đặt quyết tâm thực hiện những mục tiêu đề ra cho những năm tới. Trong phiên họp bất thường của Chính phủ ngày 5/9/2007, theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2007 nền kinh tế tiếp tục phát triển ổn định và ước đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 8,4-8,5% (kế hoạch là 8,2-8,5%), mức cao nhất trong vòng 10 năm qua; GDP bình quân đầu người tương đương 835 USD; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng đã tái khẳng định trong *Báo cáo Triển vọng Phát triển Châu Á 2007 (ADO)* được công bố ngày 17/9/2007 tại Hà Nội: GDP của Việt Nam sẽ tăng 8,3% trong năm 2007, dự báo năm 2008 sẽ đạt 8,5% và tăng trưởng xuất khẩu ở mức

22%. Một số thành viên Chính phủ cho rằng, từ nay đến cuối năm, nếu chỉ đạo quyết liệt và tập trung tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh thì tốc độ GDP có khả năng đạt trên 8,5% và dự kiến năm 2008 sẽ là 8,6-8,9% với GDP bình quân đầu người đạt khoảng 956-960 USD, thậm chí có thể đạt 1.000 USD nếu tăng trưởng GDP là 9,1-9,2% và tỷ lệ nghèo giảm còn 11% (11, 17).

Như vậy, thực hiện chiến lược phát triển dựa chủ yếu vào mở cửa và hội nhập, lấy việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm cột trụ trên cơ sở tận dụng những lợi thế tĩnh, lợi thế hữu hình, kết hợp với tạo mới, nuôi dưỡng và phát huy những lợi thế động, lợi thế vô hình trong khuôn khổ một môi trường sản xuất kinh doanh khuyến khích các loại hình doanh nghiệp phát triển, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam thời WTO.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hà Xuân Ván. Vấn đề đánh giá các nguồn lực có lợi thế so sánh trong phát triển kinh tế đối ngoại ở nước ta. <http://www.iir.edu.vn/nr040730095659/nr040730100743/nr050517173012/ns050525132539>
- Đình Phi Hồ. Hành trang của nông dân trong quá trình hội nhập kinh tế. *Phát triển kinh tế*, tháng 5/2007, tr.2-4.
- NQL. Thuyết lợi thế cạnh tranh quốc gia của Michael Porter. [www.moi.gov.vn/BForum/detail.asp?Cat=15&id=527-40k](http://www.moi.gov.vn/BForum/detail.asp?Cat=15&id=527-40k)
- Quy luật của lợi thế chính trị so sánh. *Bản tin Hội đồng Lý luận Trung ương*, số 59, tháng 3/2007.
- 62 năm sau cách mạng. *Thời báo kinh tế*, ngày 1/9/2007.
- WTO, hội nhập kinh tế và phát triển con người: chính sách công nghệ bảo đảm công nghiệp hoá thành công. <http://www.undp.org.vn/undpLive/System/Outreach/Newsroom/Feature-Details?contentId=2104&languageId=4>
- Jack Phi. Lý thuyết về lợi thế so sánh. <http://www.saga.vn/KinhtehocKinhdoanh/Thuongmai/1867.saga>
- Việt Nam phấn đấu tăng trưởng kinh tế có chất lượng cao hơn, bền vững hơn. <http://www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=612&ItemID=31186>
- "VN dư sức đạt tăng trưởng hơn 9%/năm". <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2007/09/739001/>
- Võ Đại Lược. Việt Nam gia nhập WTO - Một luồng gió mới. *Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội*, 9/1/2007.
- Chính phủ họp phiên bất thường. <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2007/09/737573/>
- Hải Đăng. Intel đầu tư vào khu công nghệ cao: Lợi ích hữu hình và vô hình, *Tia sáng*, ngày 20/3/2006.
- Trần Văn Thọ. Con đường công nghiệp hóa của Việt Nam. <http://walkaway.thegioiblog.com/print?id=55>
- David L. Levy. Phải chăng lợi thế so sánh đang hướng tới sự kết thúc? (Vers la fin des avantages comparatifs?). *Problèmes économiques*, số 2909, 25/10/2006.
- Chỉ số giáo dục của Việt Nam tăng lên 0,83. <http://www.haiduong.gov.vn/>
- Lê Hùng. Muốn vươn lên, chúng ta phải vượt qua đại dương trí tuệ. Trong: "Cuốn từ điển sống" về 20 năm Đổi mới của Lê Đăng Doanh. *Báo Nông nghiệp*, ngày 15/2/2006.
- ADB: Tăng trưởng GDP 2007 của Việt Nam sẽ là 8,3%. [http://www.vneconomy.vn/?home=detail&page=category&cat\\_name=10&id=6b88003faaf418](http://www.vneconomy.vn/?home=detail&page=category&cat_name=10&id=6b88003faaf418)
- Việt Nam sẽ trở thành một trung tâm "outsourcing". [http://vietnamnet.vn/thegioi/vn\\_tg/2007/05/700696/](http://vietnamnet.vn/thegioi/vn_tg/2007/05/700696/)
- Việt Nam cần quay mặt ra biển để phát triển. <http://www.vnn.vn/tinnoibat/2007/01/656555/>